

PHẦN ÔN TẬP

A. Phần văn

I. Văn bản nhật dụng:

1. Nắm được các đề tài mà văn bản nhật dụng đề cập đến
2. Thấy được ý nghĩa thực tiễn và ý nghĩa giáo dục của từng văn bản nhật dụng đó
3. Đối chiếu so sánh với các đề tài đã được học ở các văn bản nhật dụng trong những năm học trước.
4. Khái quát toàn bộ các đề tài của các văn bản nhật dụng từ lớp 6 đến lớp 9.

II. Các tác phẩm truyện trung đại:

1. Nắm chắc đặc điểm của các thể loại: Truyền kì, truyện thơ Nôm,...
2. Giới thiệu được những nét chính về tác giả.
3. Rèn kĩ năng tóm tắt tác phẩm, học thuộc các đoạn trích *Truyện Kiều*
4. Nắm chắc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Riêng với “*Truyện Kiều*” cần phân tích được giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật tiêu biểu.
5. Giải thích được ý nghĩa nhan đề, chi tiết, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật của tác phẩm.
6. trình bày cảm nhận về vẻ đẹp của nhân vật, đoạn trích...

III. Các tác phẩm thơ hiện đại:

1. Nắm chắc kiến thức về tác giả, hoàn cảnh sáng tác, thể thơ, nội dung chủ yếu và giá trị nghệ thuật.
2. Rút ra được những điểm chung về nét riêng trong nội dung và nghệ thuật của các bài thơ có đề tài gần nhau.
3. Học thuộc lòng các bài thơ
4. Viết đoạn văn trình bày cảm nhận những hình ảnh thơ đẹp, những biện pháp nghệ thuật đặc sắc của một số đoạn thơ hay...
5. Giải thích được ý nghĩa nhan đề, chi tiết, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật của tác phẩm.

IV. Các tác phẩm truyện hiện đại:

1. Nắm chắc kiến thức về tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, giá trị nội dung chủ yếu và giá trị nghệ thuật.
2. Tóm tắt được các tác phẩm - nêu được các tình huống đặc sắc trong truyện và ý nghĩa của các tình huống đó kể từ đó giáo viên liên hệ tới việc tạo lập văn bản tự sự của học sinh.
3. Nêu ra được những nét tiêu biểu về đời sống xã hội và con người Việt Nam với những tư tưởng, tình cảm của họ.
4. Viết đoạn văn trình bày cảm nhận về nhân vật, các chi tiết đặc sắc, những biện pháp nghệ thuật đặc sắc trong xây dựng nhân vật, tình huống, ý nghĩa nhan đề...

V. Các tác phẩm văn học nước ngoài:

Nắm chắc kiến thức về tác giả, tác phẩm, giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật.

B. TIẾNG VIỆT

I. Phần cung cấp kiến thức mới: Phương châm hội thoại, cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp, thuật ngữ, sự phát triển của từ vựng, trau dồi vốn từ...

1. Nắm được đặc điểm, ý nghĩa công dụng của tất cả các phần kiến thức đã được cung cấp.
2. Nhận diện được các đơn vị kiến thức đó.
3. Biết vận dụng kiến thức đó trong nói và viết. Tập trung vào bài tập thực hành (viết đoạn văn, bài văn hoặc các tình huống giao tiếp cụ thể).

II. Tổng kết lại kiến thức từ vựng đã học ở lớp dưới.

1. Ôn lại khái niệm của các đơn vị kiến thức về từ vựng.
2. Nhận biết được các đơn vị kiến thức từ vựng đó.
3. Vận dụng các đơn vị kiến thức về từ vựng vào nói và viết.

C. TẬP LÀM VĂN

1. Kiểu bài thuyết minh:
 - củng cố kiến thức về văn bản thuyết minh đã học ở lớp 8.
 - Kết hợp biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả.
2. Kiểu bài tự sự:
 - Khắc sâu kiến thức về văn bản tự sự kết hợp với miêu tả nội tâm, nghị luận.
 - Biết xây dựng đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.
 - Chọn ngôi kể phù hợp.
 - Tạo tình huống đặc sắc trong văn tự sự.
 - Tạo lập một số văn bản tự sự (dựa theo cốt truyện có sẵn, truyện đời sống...)
3. Đoạn văn: nắm chắc các kỹ năng trình bày đoạn văn, viết đoạn văn dạng câu hỏi tích hợp với các kiến thức văn bản và tiếng Việt.

PHẦN LUYỆN TẬP

CÂU 1: Cho câu thơ sau: “Ngày xuân con én đưa thoi” (Trích “Truyện Kiều”)

a,: Chép chính xác ba câu thơ tiếp theo. Những câu thơ em vừa chép thuộc đoạn trích nào của Truyện Kiều? Nêu tên tác giả?

b, Theo em, hình ảnh “con én đưa thoi” trong đoạn thơ được hiểu như thế nào?

c,: Trong chương trình Ngữ văn lớp 9 cũng có một bài thơ sử dụng hình ảnh “thoi”. Em hãy chép lại câu thơ đó và ghi rõ tên tác phẩm, tác giả? Nghĩa chung hình ảnh “thoi” trong hai câu thơ này là gì?

d, Hãy viết một đoạn văn khoảng 10 câu theo cách lập luận qui nạp, trình bày cảm nhận của em về cảnh ngày xuân trong đoạn thơ đã dẫn ở trên. Trong đoạn có sử dụng câu dùng lời dẫn trực tiếp và một câu ghép. (Gạch chân và chú thích rõ)

CÂU 2:

Nhà thơ Phạm Tiến Duật có câu thơ thật độc đáo:

“Không có kính không phải vì xe không có kính

Bom giạt bom rung kính vỡ đi rồi”

Và trên chiếc xe ấy, người chiến sĩ lái xe đã:

“Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng

Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim

Thấy sao trời và đột ngột cánh chim

Như sa như ùa vào buồng lái.”

(Trích *Ngữ văn 9*, tập một, NXB Giáo dục 2011)

1. Những câu thơ vừa dẫn trích trong tác phẩm nào? Cho biết năm sáng tác của tác phẩm đó.
2. Chỉ ra từ phủ định trong câu thơ độc đáo trên. Việc dùng liên tiếp từ phủ định ấy nhằm khẳng định điều gì và góp phần tạo nên giọng điệu nào cho bài thơ?
3. Dựa vào khổ thơ trên, hãy viết đoạn văn nghị luận khoảng 12 câu lập luận diễn dịch làm rõ cảm giác của người chiến sĩ lái xe trên chiếc xe không kính, trong đó có sử dụng câu phủ định và phép thế (gạch dưới câu phủ định và lời dẫn trực tiếp).
4. Chép lại hai câu thơ liên tiếp sử dụng từ phủ định trong tác phẩm (được xác định ở câu hỏi 1).

CÂU 3: Trong bài thơ “*Ánh trăng*” của Nguyễn Duy có câu: “*Ngửa mặt lên nhìn mặt*”

1. Chép tiếp câu thơ trên để hoàn thành khổ thứ năm của bài thơ.
2. Từ “mặt” thứ hai trong khổ thơ vừa chép được chuyển nghĩa theo phương thức nào? Phân tích cái hay của cách dùng từ nhiều nghĩa trong câu thơ đó?

3. Hãy viết một đoạn văn quy nạp (khoảng 10 câu) phân tích ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng và chiều sâu tư tưởng mang tính triết lí trong khổ thơ kết của bài thơ. Trong đoạn có sử dụng một câu phủ định (Gạch chân câu phủ định).

CÂU 4 : Trong văn bản “**Làng**” của Kim Lân có đoạn:

“*Nhưng sao lại nảy ra cái tin như vậy được? Mà thằng Chánh Bệu thì đích là người làng không sai rồi. Không có lửa làm sao có khói? Ai người ta hơi đâu bịa ra những chuyện ấy làm gì. Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao? Ai người ta chứa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước... Lại còn bao nhiêu người làng, tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa?...”*

(SGK Ngữ văn 9, tập một, trang 166)

1. Tâm trạng của nhân vật được nói đến trong đoạn trích trên là ai? “**Cái cơ sự này**” trong đoạn trích là điều gì?
2. Việc sử dụng liên tiếp các câu nghi vấn trong đoạn văn trên có tác dụng gì trong khi diễn tả những cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật?
3. Bằng sự hiểu biết về truyện ngắn “**Làng**”, hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 12 – 15 câu theo theo phép lập luận tổng - phân - hợp, phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật khi biết “**cái cơ sự này**”. Trong đoạn văn có sử dụng câu ghép (Gạch chân và chú thích rõ).
4. Tại sao khi xây dựng hình tượng nhân vật chính luôn hướng về làng chợ Dầu, nhưng tác giả lại đặt tên tác phẩm của mình là “**Làng**” chứ không phải “**Làng chợ Dầu**”?
5. Trong chương trình Ngữ văn THCS cũng có một tác phẩm viết về người nông dân với nỗi đau sâu sắc bộc lộ qua cử chỉ, ngoại hình. Đó là tác phẩm nào? Tác giả là ai?

CÂU 5 : Cho đoạn thơ sau:

“*Quê hương anh nước mặn, đồng chua*

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.

Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau,

Súng bên súng, đầu sát bên đầu,

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.

Đồng chí!”

(Trích *Đồng chí* – Chính Hữu)

a, Nếu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp, dòng thơ cuối là kiểu câu gì? Nêu tác dụng của việc sử dụng kiểu câu đó trong văn cảnh trên?

b,: Đoạn thơ trên đã cho thấy cơ sở hình thành tình đồng chí giữa những người lính Cách mạng thời kì kháng chiến chống Pháp. Em hãy cho biết tình đồng chí đó được xây dựng dựa trên những cơ sở nào? (Trình bày ngắn gọn)

c,: Từ cảm nhận về đoạn thơ trên, hãy phát biểu suy nghĩ của em về một tình bạn đẹp. (Trình bày bằng một đoạn văn khoảng 8 – 10 câu)

CÂU 6: Cho đoạn trích sau:

“Vời lòng mong nhớ của anh, chắc anh nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xô vào lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh. Anh vừa bước vừa khom người đưa tay đón chờ con. Nghe gọi, con bé giật mình, tròn mắt nhìn. Nó ngơ ngác, lạ lùng. Còn anh, anh không ghìm nổi xúc động. Mỗi lần bị xúc động, vết sẹo dài bên má phải lại đỏ ửng lên, giần giật, trông rất dễ sợ.” (Trích *Chiếc lược ngà* – Nguyễn Quang Sáng)

a: Nhân vật “*anh*” và “*con bé*” trong đoạn trích trên là những ai? Tại sao trong đoạn trích trên, nhân vật con bé còn “*ngơ ngác, lạ lùng*” nhưng đến phần sau của truyện lại có sự thay đổi “*Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết sẹo dài bên má của ba nó nữa*”?

b: Xác định và gọi tên thành phần biệt lập có trong câu “*Vời lòng mong nhớ của anh, chắc anh nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xô vào lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh.*”?

c: Theo trình tự cốt truyện thì đoạn trích nằm ở tình huống nào? Ý nghĩa của tình huống này là gì? Theo em, chi tiết “*vết sẹo dài bên má phải*” của nhân vật “*anh*” trong truyện ngắn này có ý nghĩa như thế nào trong việc xây dựng cốt truyện và bộc lộ chủ đề?

d: Viết một đoạn văn từ 10 - 12 câu theo phép lập luận tổng – phân – hợp nêu cảm nhận của em về tình cảm của nhân vật “*con bé*” dành cho ba trong truyện ngắn “*Chiếc lược ngà*”. Trong đoạn văn có sử dụng một câu mở rộng thành phần và lời dẫn trực tiếp. (Gạch chân và chú thích rõ)

*** Gợi ý các câu hỏi phần luyện tập:**

Câu 1. - Chép chính xác 3 câu thơ tiếp

- Nêu được đoạn trích “*Cảnh ngày xuân*”

- Nêu tên tác giả Nguyễn Du

- Hình ảnh “con én đưa thoi” có thể hiểu theo hai cách:

+ Cánh én chao liệng đầy trời

+ Thời gian trôi rất nhanh tựa như những cánh én vụt bay trên bầu trời → Mùa xuân chín mười ngày thì sáu mươi ngày đã trôi qua

Câu 2:

1. Những câu thơ trích dẫn trong đề bài thuộc tác phẩm *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật. Bài thơ được sáng tác vào năm 1969 (trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ).

2. Từ phủ định trong câu thơ *:không có, không phải*. Việc dùng liên tiếp từ phủ định *không* nhằm khẳng định tính chất đặc biệt của hình tượng những chiếc xe trong bài thơ. Trước hết, xét về nguồn gốc những chiếc xe này cũng có kính bình thường như tất cả mọi chiếc xe. Cho nên, *xe không kính không phải vì xe không có kính*. Tuy nhiên, do hoàn cảnh ác liệt của chiến tranh, xe đã trở nên bất thường : *không có kính*. Cái điều này góp phần nói lên sự khốc liệt của chiến tranh, lòng dũng cảm của người chiến sĩ lái xe, không biết sợ, bất chấp hoàn cảnh khốc liệt.

3. Thí sinh có thể viết những đoạn văn cụ thể khác nhau. Tuy nhiên, đó phải là những đoạn văn nghị luận khoảng 12 câu theo cách lập luận diễn dịch với nội dung làm rõ cảm giác của người chiến sĩ lái xe trên chiếc xe không kính. Đoạn văn đó phải có sử dụng câu phủ định và phép thế. Gạch dưới câu phủ định và những từ ngữ dùng làm phép thế. Đây chỉ là một ví dụ :

- Người chiến sĩ lái xe có rất nhiều cảm giác khi điều khiển những chiếc xe không kính.

- Trước hết, vì xe không có kính chắn gió nên gió cứ lùa thẳng vào buồng lái.

- Nó làm cho người lái xe có cảm giác mắt trở nên khó chịu.

- Nhưng bên cạnh đó, lái những chiếc xe không kính lại mang tới những cảm giác thú vị.

- Người chiến sĩ thấy giữa mình và con đường không còn sự cách ngăn.

- Con đường vì miền Nam phía trước *chạy thẳng vào tim*.

- Nó nối liền trái tim của người chiến sĩ với miền Nam ruột thịt.

- Ngoài ra, nó còn nối liền người ngồi trong xe với thiên nhiên rộng lớn ở bên ngoài.

- Người chiến sĩ thấy ánh sao, cánh chim trên bầu trời như trở nên gần gũi.

- Không có kính ngăn trở, chúng như sa, như ùa vào buồng lái.

- Tâm hồn của người lính lái xe không kính lãng mạn biết bao!

4. Không có kính, rồi xe không có đèn

Không có mui xe, thùng xe có xước,

Câu 3:

1. HS chép chính xác khổ thơ 5 (sai 2 lỗi chính tả trừ 0.25đ)

2. - Từ “mặt” thứ hai được chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ

- Phân tích cái hay của từ “mặt”:

+ Từ “mặt” (thứ 2) mang ý nghĩa ẩn dụ sâu xa, gọi cái hồn, tinh thần của sự vật + “Mặt” gọi hình ảnh mặt trăng, thiên nhiên tươi mát, là gương mặt người bạn tri kỉ, quá khứ nghĩa tình, lương tâm của chính mình (tự vấn)

+ Hai từ “mặt” trong cùng 1 câu thơ tạo tư thế mặt đối mặt, đối diện đàm tâm giữa người và trăng, thức tỉnh mọi người hướng tới lối sống cao đẹp: ân nghĩa thủy chung, bao dung, độ lượng.

Câu 4:

1. - Tâm trạng của nhân vật được nói đến trong đoạn trích trên là: Ông Hai.

- “*Cái cơ sự này*” trong đoạn trích là: cái tin làng Chợ Dầu theo giặc làm Việt gian.

2 - Tác dụng: Thể hiện tâm trạng băn khoăn, day dứt, dằn vặt, đau khổ... không nguôi của ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc.

3. Viết đoạn văn.

* Hình thức

- Đúng cấu trúc, đủ số câu:

- Có câu chứa thành phần tình thái và khởi ngữ (không gạch chân, chú thích không cho điểm).

* Nội dung: Phân tích diễn biến tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc

Cần tập trung làm rõ một số ý sau:

- Tác giả đã đặt nhân vật ông Hai vào một tình huống gay cân để bộc lộ sâu sắc tình cảm yêu làng, yêu nước của ông.

- Khi mới nghe tin xấu đó: ông sững sờ, chưa tin, nhưng khi người ta kể rành rọt, không tin không được, ông xấu hổ lảng ra về, cúi gằm mặt xuống mà đi trong xấu hổ, đau đớn...

- Về đến nhà: nhìn thấy các con, càng nghĩ càng tủi hổ, giận những người ở lại làng...

- Ba bốn ngày sau: không dám ra ngoài. Cái tin nhục nhã ấy choán hết tâm trí ông thành nỗi ám ảnh khủng khiếp ...

- Tình cảm yêu nước và yêu làng còn thể hiện sâu sắc trong cuộc xung đột nội tâm gay gắt và sự lựa chọn “Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”

- Tình cảm đối với kháng chiến, đối với cụ Hồ được bộc lộ một cách cảm động nhất khi ông trút nỗi lòng vào lời tâm sự với đứa con út ngây thơ...

⇒ Tóm lại, với nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm trạng nhân vật tinh tế, Kim Lân đã thể hiện chân thực, cảm động tình yêu làng, yêu nước, tinh thần kháng chiến của ông Hai, của người nông dân Việt Nam buổi đầu chống Pháp.

4 - Nếu đặt tên là “Làng chợ Dầu” thì câu chuyện chỉ kể về cuộc sống và con người ở 1 làng quê cụ thể, chưa khái quát được tình cảm của những người dân quê với làng xóm, quê hương, với đất nước trong thời kì kháng chiến chống Pháp, ý nghĩa tác phẩm sẽ bị hạn hẹp.

- Đặt tên “Làng”, tiếng gọi gần gũi, thân mật, cụ thể với bất kì ai. Do đó, ý nghĩa nhan đề có sức khái quát cao, giúp ta hiểu rõ hơn giá trị của thiên truyện ngắn.

5. Tác phẩm: “Lão Hạc” – Nam Cao:

Câu 5:

- Dòng thơ cuối thuộc kiểu câu đặc biệt

- Tác dụng:

+ Như một lời khẳng định, một phát hiện sự kết tinh tình cảm của người lính

+ Như bản lề gắn kết hai khổ thơ

→ Bộc lộ chủ đề tác phẩm.

- Cơ sở hình thành tình đồng chí:

+ Sự tương đồng cảnh ngộ nghèo khó

+ Chung lí tưởng, mục đích cao cả: chiến đấu giành độc lập, tự do cho Tổ quốc

+ Chung hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn của đời lính

- Hình thức đoạn văn, có hệ thống luận điểm, luận cứ rõ ràng

- Nội dung: H có thể nêu một số ý:

+ Khẳng định tình đồng chí trong bài thơ → biểu hiện của tình bạn đẹp (0,25 đ)

+ Hiểu thế nào là tình bạn đẹp (0,25 đ)

+ Nêu biểu hiện của tình bạn đẹp: luôn chia sẻ với nhau mọi niềm vui, nỗi buồn, biết động viên, an ủi, khích lệ ... giúp đỡ nhau trong cuộc sống, trong học tập, biết chỉ ra khuyết điểm, sai lầm để bạn sửa chữa, không a dua, che giấu cho khuyết điểm của bạn, luôn mong muốn bạn tiến bộ ... (0,5 đ)

+ Ý nghĩa của tình bạn: làm cho cuộc sống có ý nghĩa hơn, mang lại niềm vui, trở thành động lực giúp nhau thành công ... (0,25 đ)

+ Suy nghĩ, hành động bản thân: có ý thức và có hành động cụ thể để xây dựng và giữ gìn tình bạn đẹp. (0,25 đ)

Câu 6:

- Nhân vật "anh" và "con bé" trong đoạn trích trên là ông Sáu và bé Thu.

- Vì:

+ Lúc đầu, bé Thu không nhận ra ba sau tám năm xa cách và do vết sẹo khiến ông Sáu khác với người ba trong ảnh. (0,25đ)

+ Được bà ngoại giải thích, bé Thu nhận ra ba nên đó là biểu hiện của tình yêu dành cho ba của cô bé. (0,25đ)

- Xác định và gọi tên một thành phần biệt lập có trong câu “*chắc*”
 - Thành phần biệt lập tình thái
 - Theo trình tự cốt truyện thì đoạn trích nằm ở tình huống thứ 1: Ông Sáu trở về sau tám năm xa cách nhưng bé Thu lại không nhận ra ba, đến khi cô bé nhận ra thì là lúc ông Sáu phải lên đường.
 - Ý nghĩa của tình huống: Bộc lộ tình yêu ba mãnh liệt của bé Thu.
 - Ý nghĩa chi tiết “*vết sẹo dài bên má phải*” của nhân vật “*anh*”:
 - + Chi tiết có vai trò rất quan trọng → nếu không có thì cốt truyện sẽ không phát triển được hoặc phát triển theo chiều hướng khác.
 - + Là sự khẳng định tình yêu bé Thu dành cho cha, khẳng định tình cha con sâu nặng.
- Học sinh có nhiều cách diễn đạt để hoàn thành đoạn văn nhưng cần biết triển khai lí lẽ và dẫn chứng hợp lí:
- * Về nội dung: Khai thác nghệ thuật: xây dựng tình huống truyện, ngôi kể, miêu tả tâm lí trẻ em..., thông qua các dẫn chứng để thấy được tình cảm của bé Thu đối với ông Sáu.
 - Trước khi nhận ra ông Sáu là ba:
 - ⇒ Cô bé bướng bỉnh, ương ngạnh và cứng đầu → Tình cảm chân thật nhưng cũng thật dứt khoát, rạch ròi, chỉ yêu khi biết chắc đó là ba mình.
 - Khi nhận ra ông Sáu là ba:
 - + Trước lúc ông Sáu lên đường, thái độ và hành động của cô bé đột ngột thay đổi.
 - + Hiểu lầm được gỡ bỏ → sự ân hận giày vò → tình yêu với ba bùng cháy mãnh liệt trong buổi chia tay.
 - ⇒ Tình cảm dành cho ba sâu sắc, mạnh mẽ.

GV cần lưu ý:

≠ *Diễn đạt được ý song chưa sâu . (1,5 điểm)*

≠ *Không bám vào nghệ thuật còn mắc vài lỗi diễn đạt (1 điểm)*

≠ *Ý quá sơ sài, nhiều lỗi diễn đạt (0,75 điểm)*

≠ *Chưa thể hiện được phần lớn ý, sai về nội dung, diễn đạt kém... (0,5đ)*

* Về hình thức:

- Đạt yêu cầu về số câu và kiểu đoạn văn tổng phân hợp.
- Có sử dụng một câu mở rộng thành phần và phép liên kết (Nếu không chú thích rõ ràng thì không cho điểm)

